TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 8-CÀ MAU	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
"V/v tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Thành Nhạn
2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng
Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Ông Trần Minh Luân- Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Hoa Uyển- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theoT1 định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1969
Địa chỉ: Ấp N, xã P, tỉnh C
* *Bị đơn*: Ông Phạm VănT1 – sinh năm 1967
Địa chỉ: Ấp N, xã P, tỉnh C
(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ của bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn T1 chung sống với nhau năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống có 02 người con tên Phạm Chí L sinh năm 1991 và Phạm Quang T2 sinh năm 2002. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, thường xuyên đi làm xa, không chăm lo cho vợ con.

- Về quan hệ vợ chồng: bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T1.
- Về quan hệ con chung: Các con đều đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Phạm Văn T1: Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn T1 nhưng ông không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -Cà Mau phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -Cà Mau về nội dung vụ án là áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Văn T1; Không đặt ra xem xét về con chung, tài sản và nợ do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm VănT1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bàTvà ôngT1 theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T1 chung sống với nhau năm 1988, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau), vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bàTvà ôngT1 có nhiều bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân không hòa hợp, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T1 vì không còn tình cảm. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình nhưng bàTxác định không còn yêu thương ông T1, vợ chồng ông bà không ai quan tâm, chăm sóc ai. Ông T1 không hợp tác theo giấy triệu tập hoà giải của Toà án, Toà án không tiến hành hoà giải hôn nhân cho vợ chồng ông bà được là do ông T1 vắng mặt, ông T1 không có thiện chí hàn gắn. HĐXX xét thấy mối quan hệ hôn nhân của bàTvà ông T1 thật sự rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Văn T1.

[3] Về quan hệ con chung: Các con của ôngT1 và bà T đều đã thành niên nên không đặt xem xét giải quyết

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giảiT1.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ NghịT1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phạm Văn T1.

2/ Về quan hệ con chung: Không đặt xem xét giải quyết.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/Về án phí hôn nhân và gia đình: Chuyển thu án phí số tiền 300.000đồng mà bà Nguyễn Thị T đã dự nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002072 ngày 15/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8- Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

LÊ YẾN NGỌC

Nơi nhận. :
-Tòa án tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sựđã
-UBND xã, phường nơi đương sự ĐKKH
-Lưu hồ sơ